

Thái Bình, ngày 10 tháng 04 năm 2025

Số:100425/CV-VP

“Về việc thông báo thành lập trạm thí nghiệm hiện trường – Las 53.003 để thực hiện dự án Khu chung cư thương mại và dịch vụ hỗn hợp Newtech”

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng NEWTECH

Trước tiên, chúng tôi xin được gửi lời chào trân trọng nhất tới Quý công ty.

Để đảm bảo yêu cầu trong công tác thí nghiệm vật liệu xây dựng cho dự án Khu chung cư thương mại và dịch vụ hỗn hợp NEWTECH và được sự ủng hộ của Quý công ty, công ty VP đã thành lập trạm thí nghiệm hiện trường – las 53.003 tại dự án theo quyết định số 05/2025/QĐ/TN-VP.

Theo qui định tại Điều 8, nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính Phủ, chúng tôi trân trọng thông báo tới Quý công ty về việc thành lập Trạm thí nghiệm hiện trường -Las 53.003 (xin gửi kèm theo Quyết định thành lập trạm thí nghiệm, danh mục phép thử, nhân sự, máy móc).

Rất mong nhận được sự giúp đỡ, tạo điều kiện của Quý công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

Đã nhận
16/4/2025
Trần Hoàng Anh.

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP**



GIÁM ĐỐC
Đoàn Thị Thuý Hằng

Số: 05/2025/QĐ/TN-VP

Thái Bình, ngày 01 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc: thành lập trạm thí nghiệm hiện trường)

GIÁM ĐỐC TNHH XÂY DỰNG VÀ THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ vào điều lệ Công ty TNHH xây dựng và thí nghiệm kiểm định VP
- Xét đề xuất phòng tổ chức hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thành lập trạm thí nghiệm hiện trường:

- Tên: **Trạm thí nghiệm hiện trường – LAS 53.003**
- Địa chỉ: tại dự án Khu chung cư thương mại và dịch vụ hỗn hợp NEWTECH, phường Phú Thuận, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 0392.686.659

Điều 2: Chức năng, nhiệm vụ: **Trạm thí nghiệm hiện trường – LAS 53.003:**

- Thí nghiệm, kiểm định các công trình, gói thầu do công ty ký hợp đồng trong công tác thí nghiệm và kiểm định cho dự án Khu chung cư thương mại và dịch vụ hỗn hợp NEWTECH.

Điều 3: **Danh mục phép thử, nhân sự, thiết bị của Trạm thí nghiệm hiện trường – LAS 53.003:**

- Danh mục phép thử, nhân sự, thiết bị điều chuyên có danh sách kèm theo quyết định này

Điều 4: Các Ông (bà) Trưởng, Phó phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định công trình, và các cán bộ CNV có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu văn phòng Công ty.

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP



GIÁM ĐỐC

Đoàn Thị Quỳnh Hằng

Thái Bình, ngày 01 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Bổ nhiệm Phó trưởng phòng thí nghiệm)

GIÁM ĐỐC TNHH XÂY DỰNG VÀ THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ vào điều lệ Công ty TNHH xây dựng và thí nghiệm kiểm định VP
- Xét đề xuất phòng tổ chức hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay bổ nhiệm Ông Bùi Chiến Công - Kỹ sư công nghệ vật liệu giữ chức vụ Phó trưởng phòng - Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định công trình

Điều 2: Phó trưởng phòng - Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định công trình:

- Phối hợp cùng Trưởng phòng: Tổ chức quản lý và điều hành hoạt động của Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng, thực hiện các nghiệp vụ kỹ thuật thử nghiệm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà nước qui định.
- Trực tiếp tổ chức quản lý và điều hành hoạt động của Trạm thí nghiệm hiện trường dự án: Khu chung cư thương mại và dịch vụ hỗn hợp NEWTECH, thực hiện các nghiệp vụ kỹ thuật thử nghiệm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà nước qui định.
- Tham mưu, cố vấn cho Ban lãnh đạo công ty về quản lý chất lượng trong công tác thí nghiệm, kiểm định xây dựng
- Thực hiện nhiệm khác do Ban giáo đốc phân công.
- Được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo quy định của công ty.

Điều 3: Các ông Trưởng phòng Hành chính, Phòng thí nghiệm, các phòng ban, đơn vị có liên quan và Ông Bùi Chiến Công căn cứ quyết định thi hành./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu văn phòng Công ty.



GIÁM ĐỐC
Đoàn Thị Thủy Hằng

DANH SÁCH THÍ NGHIỆM VIÊN
TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG – LAS 53.003
(kèm theo quyết định số 05/2025/QĐ/TN-VP)

STT	Họ tên	Chức vụ	Bằng cấp, chứng chỉ
1	Bùi Chiến Công	Phó phòng thí nghiệm – phụ trách trạm thí nghiệm hiện trường	1. Kỹ sư công nghệ vật liệu 2. Chứng chỉ nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025; 3. Chứng chỉ thí nghiệm viên: Thí nghiệm vật liệu xây dựng 4. Chứng chỉ thí nghiệm viên: Thử nghiệm các tính chất cơ – lý của gạch và bê tông
2	Lương Thanh Sơn	Thí nghiệm viên	1. Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp 2. Chứng chỉ nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025; 3. Chứng chỉ thí nghiệm viên: Phương pháp xác định tính chất cơ – lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn 4. Chứng chỉ thí nghiệm viên: Phương pháp xác định tính chất cơ – lý của bê tông và vật liệu cho bê tông trong phòng và hiện trường
3	Lê Bá Phương	Thí nghiệm viên	1. Thí nghiệm viên chuyên ngành Bê tông và Vật liệu xây dựng 2. Thí nghiệm viên phân tích thành phần hoá học vật liệu xây dựng (cốt liệu, đất xi măng, nước) 3. Thí nghiệm viên đo điện trở tiếp địa, điện trở cách điện, độ bền cách điện

Trong quá trình thực hiện dự án, tùy theo nhu cầu thí nghiệm và tiến độ của dự án yêu cầu, danh sách các thí nghiệm viên có thể được bổ sung thêm để đáp ứng các yêu cầu tiến độ.

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP



GIÁM ĐỐC

Đoàn Thị Thùy Hằng

DANH MỤC PHÉP THỬ
TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG – LAS 53.003
(kèm theo quyết định số 05/2025/QĐ/TN-VP)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03; BS EN 196-5;196-6; ASTM C150, C184, C188, C204, C115, 430, 786-96; AASHTO T153; T133; T192; M85; JIS R5201
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11; TCVN 6017:15; BS EN 196-1;196-3:10; ISO 679:09; AASHTO M85; AASHTO T106; ASTM C191, C150, C109, 348, D1635; JIS R5201
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; BS EN 196:05; 196-3; BS 1881; ASTM C191, C19:08, C151, C187, C359, C150; AASHTO T131, M85; JIS R5201
	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06; AASHTO T27, M6, M8; ASTM C136, C33; BS EN 932-1:12, 933-1:12; JIS A1102:06
5	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:06
6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 7572-4:06; AASHTO T84, T85, M6, M8; ASTM C33, C127, C128; ASTM C29; BS EN 1097-6:00; EN 1097-7:08; JIS A1109, A1110, A1111 : 06
7	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06; AASHTO T84, T85; ASTM C127
8	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06; AASHTO T19, M6, M8; ASTM C29, C33; BS EN 1097-3,4:08; JIS A1104:06
9	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06; ASTM C566; AASHTO T255, M6, M8, T142; JIS A1125:07; BS EN 1097-5:98
10	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục	TCVN 7572-8:06; ASTM C117-04;



	trong cốt liệu nhỏ	ASTM C142-17
11	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; AASHTO T335, M6, M8; BS EN 933; ASTM C33, C88
12	Cát nghiền cho bê tông và vữa: Xác định hạt lượng hạt < 0,075mm, thành phần hạt, hàm lượng sét	TCVN 9205:12; ASTM C117; AASHTO T11
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
13	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03; TCVN 9028:11; EN 1051-1:99
14	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:03; TCVN 9028:11; ASTM C109-11b
15	Phụ gia hóa học cho bê tông: Xác định độ pH, tỷ trọng, hàm lượng chất khô, khả năng giảm nước, thời gian đông kết, cường độ nén, uốn, ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở	TCVN 8826:11; AASHTO M194; ASTM C494; EN 480; JIS A6204
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
16	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106 : 22; ASTM C138, C39, C143; AASHTO T121, T119; BS EN 12350-6:09; JIS A1106 : 05
17	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:22; ASTM C143, C39, C138; AASHTO T119, T121; BS EN 12350-2:09; JIS A1101:05, A1116:05
18	Xác định khối lượng riêng của bê tông nặng	TCVN 3112:22; ASTM C642, C231, C39, C127, C128; BS EN 12350-7:09; AASHTO 152;
19	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:22; ASTM C642, C39, C127, C128; BS EN 12350-7:09
20	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:22; TCVN 8218:2009; BS 1881; ASTM C39, C403, D6489
21	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:22; ASTM C39; ASTM C42; AASHTO T22, T24 ; AASHTO T140; BS EN 12390 :09, EN12504; BS1881; JIS A1108 : 06; JIS A1107 : 12; AS 1012.9-14; TCVN 10303:2014
22	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:22; ASTM C293, C78; AASHTO T97, T177
23	Xác định cường độ kéo khi bẻ	TCVN 3120:22; ASTM C496; AASHTO T198
24	Xác định cường độ lăng trụ và modun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:22; ASTM C469

771
 ĐÔNG
 TỈNH
 DỰ
 LĨNH
 KIỂM
 V
 H TH

25	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	ASTM C1064; AASHTO T309
26	Xác định cường độ bê tông bằng phương pháp khoan lấy mẫu từ cấu kiện	TCXDVN 239:06; ASTM C42-18
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
27	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:12 ; ASTM D854 ; AASHTO T100;
28	Xác định độ ẩm và hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216
29	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:12; ASTM D4318; AASHTO T89; AASHTO T90
30	Xác định các thành phần cơ hạt	TCVN 4198:12; ASTM C136-06; ASTM D1140, D422; AASHTO T88, T27
31	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:12; 22TCN 333-06;TCVN 12790:20 ASTM D1557, D698; AASHTO T99, T180
32	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:12; ASTM D2435, D2937; AASHTO T216
	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
33	Thử kéo	TCVN 197:14; TCVN7937:13; ISO 16035; TCVN 5709:93; ASTM A615, A370, A36/36M; AASHTO T68M; BS4449; GB/T 228 JIS Z2241; JIS G3444
34	Thử uốn	TCVN 198:08; TCVN7937:13; ISO 16035; GB/T 232; ASTM A615; A370; AASHTO T68M; BS4449; JIS Z2248
35	Cốt thép - Phương pháp uốn và uốn lại	TCVN 6287:97
36	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:10
37	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10; AASHTO T68
38	Thử kéo bu lông, thép cường độ cao	TCVN 1916:95; TCVN 197:14; ASTM A370, A722; AASHTO T68
39	Thử thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren (Nối Coupler)	TCVN 8163 : 2009; TCVN 13711 :2023

40	Thử nghiệm cơ lý nhôm: Xác định độ bền kéo, độ giãn dài tương đối, độ cứng, dạng Profin và dung sai kích thước.	TCXDVN 330:04; ASTM B557-10; TCVN197: 2014, TCVN 258-1: 2007; TCVN 5878: 1995, TCVN12513-7:2018
THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
41	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8729:12; ASHTO-T191; ASTM D1556
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH		
42	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09
43	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09; ASTM C67-12; AASHTO T32-10
44	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09; ASTM C67-12; AASHTO T32-10
45	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09; ASTM C67-12; AASHTO T32-10
46	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09
47	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
48	Gạch bê tông tự chèn: Xác định thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; cường độ uốn; độ mài mòn, độ hút nước, độ rỗng	TCVN 6476:11; ASTM C140
49	- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của gạch bê tông (xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ rỗng; độ thấm nước; độ hút nước)	TCVN 6477:16; ASTM C140
50	Gạch Tezzarro: Thí nghiệm kích thước, độ bền uốn, độ hút nước, độ co khô, độ mài mòn	TCVN 7744:13
51	Gạch lát Granito: Kiểm tra ngoại quan, xác định độ mài mòn, độ hút nước, độ chịu lực xung kích, độ cứng lớp mặt, tải trọng gãy toàn viên	TCVN 6074:95
52	Ngói lợp: Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian xuyên nước, khối lượng 1 m ² ngói bảo hoà nước	TCVN 4313:95
53	Ngói amiăng xi măng: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, xác định tải trọng uốn gãy, xác định thời gian xuyên nước, xác định khối lượng thể tích	TCVN 4435:00
54	Ngói gốm tráng men: Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian không xuyên nước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 9133:11
55	Sản phẩm bê tông nhẹ, gạch bê tông nhẹ, xác định: kích thước và khuyết	TCVN 9030:17

	tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; khối lượng thể tích khô; độ co khô	
	PHÉP THỬ PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
56	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:12; EN 1008
57	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88; EN 1008
58	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:88; EN 1008
59	Độ pH	TCVN 6492:11; EN 1008
60	Hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:96; EN 1008
61	Hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:96; EN 1008
62	Xác định Natri (Na), Kali (K)	TCVN 6196:00

Đối với các phép thử không thực hiện được tại trạm hiện trường sẽ được đưa về phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định công trình tại trụ sở công ty để được thực hiện.

Trong quá trình thực hiện dự án, tùy theo nhu cầu thí nghiệm và tiến độ của dự án yêu cầu, danh mục các phép thử nghiệm có thể được bổ sung thêm để đáp ứng.

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP**



GIÁM ĐỐC
Đoàn Thị Thuý Hằng

DANH SÁCH THIẾT BỊ
TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG – LAS 53.003
(kèm theo quyết định số 05/2025/QĐ/TN-VP)

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tình trạng
1	Máy kéo nén vạn năng 1000kN (Hiện thị điện tử bằng màn hình LCD) - Hãng sản xuất: Senxin - Model: WA-1000 Thông tin kỹ thuật: - Khả năng tải tối đa: 1000KN - Độ chính xác: $\pm 1\%$ - Khoảng cách kéo max: 700mm - Khoảng cách nén max: 600mm - Độ dày mẫu lá dẹt: 0-40mm - Đường kính mẫu tròn: $\phi 14-\phi 45\text{mm}$ - Khoảng cách thử uốn Max giữa 2 gối uốn: 300mm - Đường kính tâm nén: $\phi 225\text{mm}$	Bộ	1	Hoạt động tốt
2	Bộ gối uốn thép dùng cho máy kéo thép vạn năng: Phù hợp với TCVN/ISO bao gồm 21 cỡ tiêu chuẩn: Bao gồm các cỡ gối: D30; D32; D36; D40; D42; D48; D50; D56; D60; D64; D70; D72; D80; D84; D96; D108; D120; D132; D150; D168; D192mm, bộ gá trên cho các gối, thùng gỗ	Bộ	1	Hoạt động tốt
3	Bộ gá kéo bu lông (13 cỡ) dùng thử kéo Bulong trên máy kéo thép đường kính từ bulong M6-M32: Cung cấp bao gồm các đầu kéo thay thế cho bulong: M6; 8; 10; 12; 14; 16; 18; 20; 22; 25; 28; 30; 32mm, bộ gá trên, dưới, thùng gỗ	Bộ	1	Hoạt động tốt
4	Máy nén bê tông 2000KN (Bản cao cấp, kiểu dáng LUDA) Model: TYA-2000 Hãng sản xuất: Senxin Máy dùng để nén, uốn, bê tông, gạch, xi măng và các vật liệu xây dựng khác. Hoạt động bằng động cơ điện, tự động lưu giữ giá trị nén Max khi phá hủy mẫu, có thể cài đặt các mẫu nén cơ bản theo tiêu chuẩn và các mẫu nén tự do, tự động tính toán mác vật liệu khi kết thúc nén, in kết quả bằng máy in nhiệt Graphic Điều chỉnh khoảng cách nén bằng trục ren chịu lực cường độ cao	Bộ	1	Hoạt động tốt
5	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng nhựa	chiếc	12	Hoạt động tốt



6	Máy xác định độ thấm bê tông loại đồng hồ 3 kim Model: HS-4(HS-40). Áp lực làm max: 4MPa vạch chia 0,05MPa, có thể cài đặt áp lực thấm tùy ý, máy có thể kiểm tra đồng thời 6 mẫu D150xH150mm Điện áp nguồn: 220V/50Hz, 1 pha, 120W; (chưa kèm bộ gá mẫu)	bộ	1	Hoạt động tốt
7	Bộ gá mẫu thấm bê tông, vừa phù hợp với (06 gá/1 bộ)	Bộ	1	Hoạt động tốt
8	Dụng cụ Vica Dùng xác định độ dẻo tiêu và thời gian đông kết, thời gian kết thúc đông kết của xi măng Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính.	bộ	1	Hoạt động tốt
9	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	bộ	1	Hoạt động tốt
10	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	bộ	1	Hoạt động tốt
11	Bộ gá uốn mẫu gạch xây tiêu chuẩn Dùng để gá thử uốn gạch xây Đường kính gôi uốn: 10mm Khoảng cách 2 gôi uốn dưới: 180mm	bộ	1	Hoạt động tốt
12	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng nhựa	bộ	3	Hoạt động tốt
13	Cát chuẩn 0,08-2mm, ISO 679 Trọng lượng tiêu chuẩn: 1.35kg/1 túi	túi	15	Hoạt động tốt
14	Khuôn Le Chatelier	ch	6	Hoạt động tốt
15	Bình tỷ trọng xi măng Dùng để đo tỷ trọng xi măng Thể tích 250 ml Vạch chia từ 0 - 1 ml và từ 18 - 24 trên cổ bình Độ chính xác 0,5 ml	ch	1	Hoạt động tốt
16	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150	bộ	1	Hoạt động tốt
17	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D75	bộ	1	Hoạt động tốt
18	Thùng dung trọng 1 lít (Hộc đóng)	ch	1	Hoạt động tốt
19	Thùng dung trọng 2 lít (Hộc đóng)	ch	1	Hoạt động tốt
20	Thùng dung trọng 5 lít (Hộc đóng)	ch	1	Hoạt động tốt
21	Thùng dung trọng 10 lít (Hộc đóng)	ch	1	Hoạt động tốt
22	Bộ sàng D300 lỗ vuông bao gồm các cỡ từ 0,071 - 90mm	ch	20	Hoạt động tốt
23	Cối Proctor tiêu chuẩn	ch	1	Hoạt động tốt
24	Chày Proctor tiêu chuẩn	ch	1	Hoạt động tốt
25	Cối Proctor cải tiến	ch	1	Hoạt động tốt
26	Chày Proctor cải tiến	ch	1	Hoạt động tốt
27	Phễu rót cát hiện trường Kèm: Bình cát chuẩn bằng nhựa, tấm dung trọng hiện trường, 3 gim, túi vải.	bộ	1	Hoạt động tốt
28	Cát chuẩn kiểm tra độ chặt, 0,3-0,6mm (50kg)	kg	50	Hoạt động tốt

29	Tủ sấy 300 ⁰ C chỉ thị điện tử Model: 101-2A Dung tích: 136 lít Nhiệt độ: cài đặt tùy ý từ nhiệt độ môi trường đến 299 độ C Chỉ thị bằng đồng hồ điện tử	ch	1	Hoạt động tốt
30	Cân kỹ thuật 5000g/0.01g (Labex-Anh) Model: HC-B50002 - Màn hình hiển thị màu LCD, rộng, thuận tiện cài đặt và sử dụng - Hộp chắn gió bảo vệ - Bảo vệ chống quá tải Thông số kỹ thuật: - Khả năng cân Max: 5000g - Độ chính xác: 0,01g - Độ lặp lại: 0.01g - Kích thước đĩa cân: Ø130mm - Kích thước cân: 34x26.5x24cm - Adapter: DC12V/AC6V	ch	1	Hoạt động tốt
31	Cân điện tử ALC 30kg (Shinko - Nhật) Khả năng cân: 30kg ± 1g Cấp chính xác: II, OIML Kích thước đĩa cân: 230mm x 280mm 3 màn hình LCD: số lượng, khối lượng tồn, khối lượng đơn vận mẫu Tính năng: Đếm, cân thông thường, trừ bì. Nguồn điện: 220V/6V/4h hoặc AC/DC adaptor	ch	1	Hoạt động tốt
32	Rọ cân thủy tinh 200x200	ch	1	Hoạt động tốt
33	Bình khối lượng riêng 1000ml (Bình tam giác cổ rộng)	ch	1	Hoạt động tốt
34	Bình khối lượng riêng 2000ml (Bình tam giác cổ rộng)	ch	1	Hoạt động tốt
35	Bình tam giác 100ml	ch	1	Hoạt động tốt
36	Bình tam giác 250ml	ch	1	Hoạt động tốt
37	Bình tam giác 500ml	ch	1	Hoạt động tốt
38	Bình tam giác 1000ml	ch	1	Hoạt động tốt
39	Ống đong thủy tinh 50ml	ch	1	Hoạt động tốt
40	Ống đong thủy tinh 100ml	ch	1	Hoạt động tốt
41	Ống đong thủy tinh 250ml	ch	1	Hoạt động tốt
42	Ống đong thủy tinh 500ml	ch	1	Hoạt động tốt
43	Ống đong thủy tinh 1000ml	ch	1	Hoạt động tốt
44	Hộp nhôm D55x35	ch	10	Hoạt động tốt
45	Hộp nhôm D80x52	ch	10	Hoạt động tốt
46	Khay chứa mẫu 300x220x50mm	ch	5	Hoạt động tốt
47	Khay chứa mẫu 200x100x50mm	ch	5	Hoạt động tốt
48	Khay chứa mẫu 550x550x50mm	ch	5	Hoạt động tốt
49	Nhiệt kế điện tử Model: TP101 Khoảng đo từ -50 đến 300 độ C	ch	1	Hoạt động tốt

50	Nhiệt kế thuỷ tinh 100C	ch	1	Hoạt động tốt
51	Tỷ trọng kế 151H, 0,995 TO 1,038 G/ML	ch	1	Hoạt động tốt
52	Tỷ trọng kế 152H, -5 +60 G/LITRE	ch	1	Hoạt động tốt
53	Thước kẹp 300mm độ chính xác 0,01mm	ch	1	Hoạt động tốt
54	Thước thép 1000m	ch	1	Hoạt động tốt

Trong quá trình thực hiện dự án, tùy theo nhu cầu thí nghiệm và tiến độ của dự án yêu cầu, danh sách các thiết bị thí nghiệm có thể được bổ sung thêm để đáp ứng các yêu cầu phép thử.

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP**



GIÁM ĐỐC

Đoàn Thị Thuý Hằng

